



DOI:10.22144/ctujos.2024.482

TÌM HIỂU MỨC ĐỘ HIỆU QUẢ TRONG GIẢNG DẠY TƯ DUY THIẾT KẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC YERSIN ĐÀ LẠT

Nguyễn Trần Xuân Thành

Đại học Yersin Đà Lạt, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): ngtranxuanthanh@gmail.com

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 20/06/2024

Sửa bài (Revised): 24/07/2024

Duyệt đăng (Accepted): 26/09/2024

Title: *Comprehending the summary of teaching efficacy in the faculty of interior design at Yersin university*

Author(s): *Nguyen Tran Xuan Thanh*

Affiliation(s): *Yersin University, Viet Nam*

TÓM TẮT

Tư duy thiết kế đang trở nên ngày càng phổ biến trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ giáo dục, kinh doanh cho đến công nghệ. Việc đưa tư duy thiết kế vào chương trình đào tạo đại học đang được nhiều trường có chuyên ngành về lĩnh vực thiết kế triển khai. Tuy nhiên, hiệu quả giảng dạy tư duy thiết kế vẫn chưa có nhiều sự ghi nhận. Bằng phương pháp quan sát kết hợp với phỏng vấn các đối tượng là sinh viên khóa K20 ngành Thiết kế nội thất trường Đại học Yersin Đà Lạt, dữ liệu quá trình giảng dạy về tư duy thiết kế được thu thập. Kết quả phân tích cho thấy sinh viên còn gặp khó khăn trong việc nhớ và áp dụng các bước của tư duy thiết kế, việc thiếu kỹ năng mềm và học trực tuyến cũng ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả giảng dạy. Nhà trường cần tổ chức các lớp kỹ năng mềm, tăng cường hướng dẫn trực tiếp và thiết kế các hoạt động thực hành hấp dẫn như workshop, ứng dụng tư duy thiết kế vào giải quyết vấn đề thực tế.

Từ khóa: *Đại học Yersin Đà Lạt, tư duy thiết kế, mức độ hiệu quả*

ABSTRACT

Design thinking is gaining traction in a variety of fields, including technology, business, and education. Numerous big businesses and academic organizations have used this approach to encourage innovation and problem-solving. Several universities that offer design majors are incorporating design thinking into their university training programs. Still, not much is known about how successful education is. Interviews with design thinking-trained interior design students at Yersin Dalat University reveal that despite their instruction, students still struggle with recalling and putting design thinking into practice. The stages of design thinking, a deficiency in soft skills, and distance learning also have a direct impact on the efficacy of instruction. Classes on soft skills must be set up, as well as more direct instruction and engaging, hands-on activities like workshops and the application of design thinking to real-world issues. It's also vital to include the process in activities.

Keywords: *Design thinking, efficiency, Yersin Da Lat University*

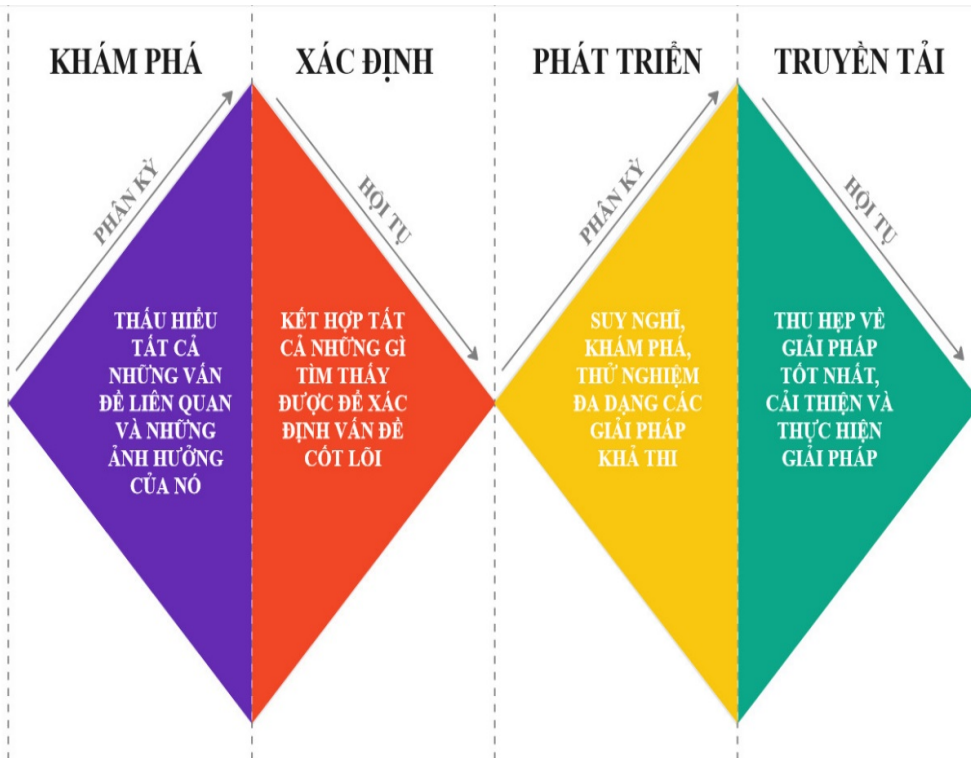
1. GIỚI THIỆU

1.1. Tư duy thiết kế là gì?

Theo Brown (2008), tư duy thiết kế (TDTK) hay Design Thinking là một quy trình sử dụng tư duy, sự nhạy bén và các phương pháp của nhà thiết kế để đáp ứng nhu cầu của người dùng, đồng thời đưa ra một chiến lược vừa khả thi về mặt công nghệ vừa khả thi về mặt kinh doanh, từ đó đem lại giá trị cho khách hàng và cơ hội trên thị trường. TDTK là một quy trình tư duy phi tuyến tính, giúp định hình và xây dựng những hiểu biết sâu sắc về quy trình nhằm giải quyết các vấn đề không thể đoán trước. TDTK có khả năng ứng dụng đa dạng, đặc biệt có thể ứng dụng như một cách tiếp cận giải quyết vấn đề (Kimbell, 2011), phương pháp này đã được áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như lĩnh vực sáng tạo, giáo dục, kinh tế... (Beckman & Barry, 2007).

Hiện nay, có nhiều mô hình TDTK được phát triển bởi các tổ chức khác nhau. Tuy nhiên mô hình Double diamond và mô hình Hasso-Plattner Institute là hai trong những mô hình phổ biến nhất được áp dụng rộng rãi trong thực tế và giảng dạy.

Mô hình Double Diamond hay còn gọi là Kim cương đôi (Hình 1) là một quy trình làm việc sáng tạo do Design Council của Vương quốc Anh phát triển vào năm 2005, nhằm cung cấp một quy trình rõ ràng và có cấu trúc để giải quyết các vấn đề và phát triển các giải pháp thiết kế (Design Council, 2007). Mô hình này được hình thành từ hai hình kim cương liên tiếp, đại diện cho bốn giai đoạn chính: Khám phá (Discover), Xác định (Define), Phát triển (Develop) và Truyền tải (Deliver).



Hình 1. Lược đồ mô hình Kim cương đôi

1. Khám phá (Discover): Giai đoạn này tập trung vào việc nghiên cứu và thu thập thông tin để hiểu rõ vấn đề hoặc cơ hội. Quá trình này thường bao gồm việc quan sát, phỏng vấn, và thu thập dữ liệu để có cái nhìn toàn diện về vấn đề.

2. Xác định (Define): Sau khi đã thu thập đủ thông tin, giai đoạn này nhằm xác định rõ ràng vấn đề cần giải quyết. Đây là lúc tổ chức và phân tích dữ

liệu để tìm ra các hiểu biết chính và xác định mục tiêu cụ thể.

3. Phát triển (Develop): Trong giai đoạn này, các ý tưởng và giải pháp sáng tạo được đề xuất và phát triển. Các ý tưởng được thử nghiệm và tinh chỉnh thông qua các nguyên mẫu và phản hồi từ người dùng.

4. Truyền tải (Deliver): Giai đoạn cuối cùng tập trung vào việc thực hiện và triển khai giải pháp. Quá trình này bao gồm việc thử nghiệm cuối cùng, điều chỉnh và đưa giải pháp ra thị trường hoặc vào thực tế.

Mô hình TDTK năm giai đoạn của Hasso-Plattner Institute (HPI) (Hình 2) là một quy trình sáng tạo tập trung vào con người, nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp thông qua việc hiểu sâu sắc về nhu cầu của người dùng (Meredith, 2019). Mô hình này bao gồm năm giai đoạn chính: Thấu cảm (Empathize), Xác định (Define), Sáng tạo ý tưởng (Ideate), Nguyên mẫu (Prototype), Thử nghiệm (Test).

Thấu cảm (Empathize): Giai đoạn này nhằm hiểu rõ người dùng, nhu cầu và thách thức của họ thông qua việc quan sát, phỏng vấn và tương tác trực tiếp. Mục tiêu là thu thập thông tin chân thực và toàn diện về trải nghiệm của người dùng để tạo cơ sở vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo.

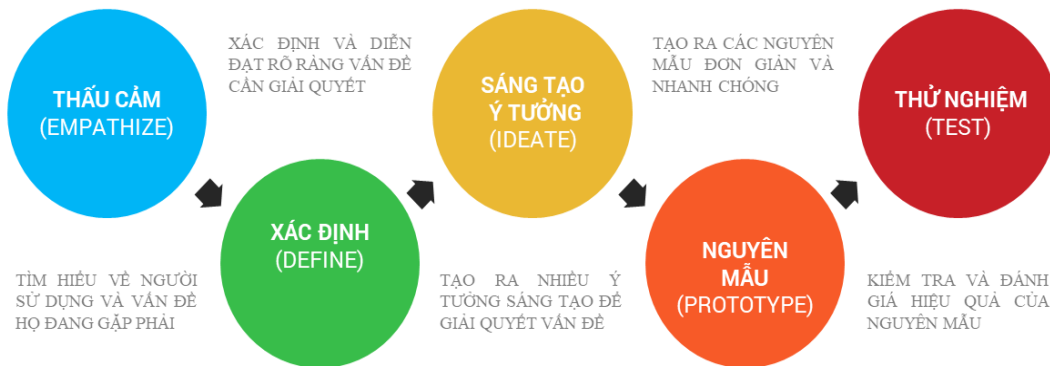
Xác định (Define): Sau khi thu thập dữ liệu từ giai đoạn Thấu cảm, nhóm làm việc phân tích và tổng hợp thông tin để xác định vấn đề cốt lõi. Đây

là lúc đưa ra tuyên bố vấn đề rõ ràng và cụ thể, giúp định hướng cho quá trình sáng tạo và phát triển giải pháp.

Sáng tạo ý tưởng (Ideate): Trong giai đoạn này, nhóm làm việc cùng nhau tạo ra nhiều ý tưởng và giải pháp sáng tạo cho vấn đề đã xác định. Quá trình này thường bao gồm các hoạt động như brainstorming, mind mapping và các phương pháp tư duy không giới hạn để khai thác tối đa sự sáng tạo của đội ngũ.

Nguyên mẫu (Prototype): Các ý tưởng từ giai đoạn Tư duy sáng tạo được hiện thực hóa thành các nguyên mẫu, tức là các phiên bản thử nghiệm của giải pháp. Nguyên mẫu có thể là vật liệu mô hình, phác thảo, hoặc các bản thử nghiệm kỹ thuật số, giúp hiện thực hóa ý tưởng và kiểm tra tính khả thi của chúng.

Thử nghiệm (Test): Nguyên mẫu được thử nghiệm với người dùng thực tế để thu thập phản hồi và đánh giá hiệu quả. Giai đoạn này giúp xác định các điểm mạnh và điểm yếu của giải pháp, từ đó điều chỉnh và cải thiện nguyên mẫu để phù hợp hơn với nhu cầu thực tế.



Hình 2. Lược đồ mô hình TDTK của Hasso-Plattner Institute

1.2. Hiệu quả của TDTK

TDTK tập trung vào việc hiểu rõ nhu cầu và quan điểm của người dùng. Bằng cách tập trung vào sự đồng cảm và thu thập thông tin một cách sâu rộng về trải nghiệm của người dùng, nhà thiết kế có thể khám phá những hiểu biết sâu sắc cung cấp thông tin cho quá trình thiết kế và dẫn đến các giải pháp phù hợp với người dùng ở cấp độ cá nhân (Verganti, 2009).

TDTK là một quy trình có sự lặp lại của việc tạo mẫu, thử nghiệm và tinh chỉnh ý tưởng. Sự lặp lại này cho phép thử nghiệm nhanh chóng và học từ thất

bại, dẫn đến các giải pháp sáng tạo và hiệu quả hơn (Boland & Tenkasi, 1995).

TDTK khuyến khích sự hợp tác giữa các cá nhân từ các lĩnh vực và chuyên ngành đa dạng. Bằng cách kết hợp nhiều người có chuyên môn và quan điểm khác nhau, TDTK khuyến khích sự sáng tạo và tạo ra các giải pháp độc đáo cho các vấn đề phức tạp (Somech & Drach-Zahavy, 2013).

Hình ảnh hóa và tạo mẫu nguyên mẫu: TDTK thường liên quan đến việc hình dung ý tưởng và tạo ra nguyên mẫu để truyền đạt các khái niệm và thử nghiệm giả định. Phương pháp hình ảnh hóa và cụ thể này giúp tạo ra phản hồi, tinh chỉnh ý tưởng và

thúc đẩy sự hiểu biết chung giữa các thành viên trong nhóm (Bersky, 2003).

TDTK nổi tiếng với tính linh hoạt trong giải quyết vấn đề. Nó cho phép khám phá nhiều giải pháp, khuyến khích suy nghĩ ngoài hộp và khuyến khích sự sẵn lòng thách thức các giả định và cách tiếp cận vấn đề truyền thống (Orilkowski, 2010).

Nghiên cứu cho thấy rằng TDTK, so với các phương pháp giải quyết vấn đề khác, có thể đạt được các kết quả xuất sắc hơn dưới các điều kiện môi trường và tổ chức cụ thể. Nghiên cứu về TDTK theo phương pháp kinh nghiệm có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về hiệu quả của nó và giúp xác định các bối cảnh mà nó có ích nhất (Orilkowski, 2010).

1.3. Giảng dạy TDTK

Các khóa học về TDTK đầu tiên trong giáo dục đại học bắt đầu vào khoảng năm 2005. Kể từ đó, nhiều trường kinh doanh trên thế giới đã giới thiệu các khóa học và chương trình tập trung vào thiết kế, đổi mới và sáng tạo (Heiman & Burnett, 2010; Melles et al. 2012). Nhiều khóa học, chương trình về thiết kế và nghiên cứu kinh doanh được tổ chức bởi các trường đại học hàng đầu với các chương trình TDTK, ví dụ như Trường Quản lý Rotman ở Toronto và trường D (D.school) thuộc Đại học Stanford (Gloppen, 2009). Tại Việt Nam, một số trường đại học có đào tạo ngành Mỹ thuật ứng dụng cũng đã bắt đầu từng bước đưa TDTK vào chương trình giảng dạy. Ví dụ như trường đại học Văn Lang từ năm 2020 đã triển khai các buổi Coaching Workshop cho giảng viên nhằm cải tiến và phát triển trong phương pháp giảng dạy ở các môn học. Chương trình này được thực hiện dựa trên chủ trương xây dựng chương trình đào tạo ngành Thiết kế giai đoạn 2020 – 2025 của Khoa Mỹ thuật và Thiết kế Trường Đại học Văn Lang. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cũng đã phối hợp cùng Làng TDTK đổi mới sáng tạo (Làng Innovative Design Thinking) thuộc Hệ sinh thái Techfest Quốc gia tổ chức cuộc thi “Design Thinking - Open Innovation 2023” nhằm thúc đẩy việc ứng dụng TDTK trong xây dựng phát triển sản phẩm, dịch vụ và đổi mới sáng tạo (Minh, 2023).

Mặc dù đã có nhiều trường đại học triển khai quy trình TDTK vào chương trình đào tạo, nhưng vẫn chưa có nhiều ghi nhận về hiệu quả của việc triển khai giảng dạy. Việc đưa phương pháp này vào đào tạo hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên, cần thêm nghiên cứu và đánh giá cụ thể để xác định mức độ hiệu quả từ đó cải thiện để mang lại nhiều giá trị hơn cho người học, cụ thể là sinh viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sinh viên ngành Thiết kế nội thất trường Đại học Yersin Đà Lạt đã hoàn tất học phần Phương pháp thiết kế nội thất. Sinh viên thuộc lớp K20 (là sinh viên năm nhất tại thời điểm thực hiện nghiên cứu), lớp với sĩ số là 18 sinh viên.

Học phần Phương pháp thiết kế nội thất gồm 2 tín chỉ lý thuyết, 60 tiết và chia thành 12 buổi (5 tiết/1 buổi). Sinh viên học qua hình thức trực tuyến bằng phần mềm Microsoft Team và học tại lớp. Sinh viên được phân thành 3 nhóm, mỗi nhóm gồm 6 thành viên. Giảng viên sẽ giao cho mỗi nhóm một vấn đề thiết kế và hướng dẫn cụ thể từng bước áp dụng phương pháp TDTK vào giải quyết vấn đề đã giao. Mô hình được triển khai trong môn học là mô hình TDTK của Hasso-Plattner Institute.

Mục tiêu của học phần Phương pháp thiết kế nội thất nhằm đào tạo sinh viên tổng quan quy trình thiết kế nội thất và tiêu chí đánh giá. Sinh viên được học và thực hành các phương pháp thiết kế nhằm đưa ra các giải pháp cho vấn đề công năng, thẩm mỹ cũng như quy trình phát triển ý tưởng, thể hiện bản vẽ. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO) có 3 chuẩn đầu ra:

- CLO1: Nắm được kiến thức quy trình thiết kế, tiêu chí đánh giá thiết kế. Nắm được kiến thức giải pháp công năng, thẩm mỹ trong thiết kế.
- CLO2: Áp dụng được giải pháp công năng, thẩm mỹ và quy trình vào hình thành ý tưởng, trình bày hồ sơ thiết kế nội thất.
- CLO3: Ý thức tự nghiên cứu tài liệu liên quan Phương pháp thiết kế.

Mục đích của nghiên cứu là đánh giá mức độ hiệu quả việc giảng dạy TDTK tại trường Đại học Yersin Đà Lạt, cụ thể là ngành Thiết kế nội thất. Để đạt được mục đích trên nghiên cứu đặt ra các mục tiêu như sau:

- Xác định mức độ tương tác của sinh viên trong lớp học.
- Đánh giá sự hiểu và áp dụng kiến thức của sinh viên.
- Đánh giá phản hồi của sinh viên về phương pháp giảng dạy và nội dung môn học.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát và phỏng vấn để thu thập dữ liệu liên quan đến quá

trình giảng dạy và học tập tự duy thiết kế của sinh viên khóa K20 ngành Thiết kế nội thất tại trường Đại học Yersin Đà Lạt nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện trong việc thu thập thông tin từ các đối tượng nghiên cứu.

Bằng phương pháp quan sát, người nghiên cứu có thể nhận diện các hành vi học tập thực tế của sinh viên, bao gồm mức độ tương tác, cách làm việc nhóm và phương pháp học tập. Điều này giúp làm rõ hơn cách sinh viên tiếp cận bài giảng và bài tập. Các tiêu chí quan sát bao gồm:

Mức độ tương tác của sinh viên trong lớp học: Việc tương tác cho thấy sinh viên hiểu và chủ động tiếp thu kiến thức, thể hiện sự quan tâm tới bài giảng, đồng thời phản ánh hiệu quả của phương pháp giảng dạy trong việc khuyến khích giao tiếp và làm việc nhóm.

Mức độ sinh viên hoàn thành các yêu cầu của giảng viên: Việc hoàn thành được các yêu cầu của giảng viên thể hiện được khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên (đáp ứng CLO1 và CLO3).

Mức độ hiệu quả của giải pháp về công năng và thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế: Thể hiện khả năng sinh viên ứng dụng kiến thức vào bài tập thực tế (đáp ứng CLO2).

Phương pháp phỏng vấn cung cấp dữ liệu về cảm nhận, ý kiến và quan điểm cá nhân của sinh viên về quá trình giảng dạy và học tập. Điều này giúp hiểu rõ hơn về nguyên nhân đằng sau các hành vi quan sát được.

Số lượng sinh viên phỏng vấn là 10 sinh viên. Nội dung phỏng vấn bao gồm 4 câu hỏi chính:

1. Sau khi học môn TDTK bạn có tự tin là mình có thể ứng dụng được kiến thức môn học vào trong những đồ án sắp tới không? Nếu không xin cho biết lý do.

Mục tiêu của câu hỏi này là đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên. Việc không nắm vững

kiến thức có thể dẫn đến giảm sự tự tin khi áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Việc hiểu rõ nguyên nhân thiếu tự tin trong việc ứng dụng kiến thức của sinh viên cũng giúp làm rõ một số vấn đề hiện có trong quá trình giảng dạy về TDTK.

2. Trong môn TDTK bạn có hiểu rõ các bước trong quy trình TDTK không? Bạn gặp khó khăn ở bước nào?

Câu hỏi này nhằm kiểm tra mức độ hiểu biết của sinh viên về các bước trong quy trình TDTK và xác định những khó khăn cụ thể mà họ gặp phải trong quá trình học.

3. Bạn có nghĩ quy trình đã học trong môn TDTK là một quy trình hiệu quả? Nếu không xin cho biết lý do.

Câu hỏi này giúp tìm hiểu đánh giá của sinh viên về sự hiệu quả của quy trình TDTK qua môn học. Việc có một số định kiến về quy trình cũng có thể ảnh hưởng tới việc tiếp thu kiến thức môn học, thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên có thể giúp cải thiện chất lượng giảng dạy.

4. Nếu có thể cải thiện môn học, bạn sẽ muốn cải thiện điều gì?

Đây là câu hỏi mở, thu thập phản hồi từ sinh viên về các khía cạnh cần cải thiện trong nội dung, phương pháp giảng dạy, tương tác và cấu trúc môn học, giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy.

Thông qua các câu hỏi này, nghiên cứu nhằm hướng đến mục tiêu thu thập thông tin từ sinh viên về hiệu quả của việc giảng dạy môn TDTK, đồng thời phân tích, tìm kiếm các phương pháp cải thiện chất lượng giảng dạy trong tương lai.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả quan sát

Quan sát được thực hiện trong suốt thời gian môn học diễn ra. Kết quả quan sát được ghi nhận trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng ghi nhận thông tin quan sát

Buổi học	Hoạt động	Mức độ tương tác của sinh viên (1-5)*	Mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên (1-5)*	Mức độ hiệu quả của giải pháp về công năng (1-5)**	Mức độ hiệu quả của giải pháp về thẩm mỹ (1-5)**	Ghi chú chi tiết
1	Giới thiệu môn học Phân nhóm Giảng lý thuyết Bước 1: Thấu hiểu	2	4	-	-	Sinh viên lắng nghe nhưng ít tương tác, không đặt câu hỏi.
2	Nhóm tổ chức thu thập thông tin.	3	3	-	-	Sinh viên gặp khó khăn trong việc thu thập thông tin phỏng vấn
3	Giảng lý thuyết Bước 2: Xác định	3	4	-	-	Sinh viên tìm sự giúp đỡ từ các bạn cùng lớp thay vì hỏi giảng viên.
4	Nhóm tổ chức phân tích thông tin thu thập được, xác định vấn đề.	3	3	-	-	Thiếu sự hợp tác giữa các thành viên nhóm.
5	Giảng lý thuyết Bước 3: Sáng tạo ý tưởng.	3	3	-	-	Sinh viên thiếu tập trung, không hiểu rõ yêu cầu.
6	Nhóm tổ chức hội ý, tìm ý tưởng, xác định ý tưởng khả thi.	2	3	-	-	Một số thành viên nhóm vắng mặt, không làm việc.
7	Giảng lý thuyết Bước 4: Nguyên mẫu	3	3	-	-	Sinh viên vẫn gặp khó khăn, không dám hỏi giảng viên.
8	Nhóm thực hiện tạo nguyên mẫu thiết kế.	3	3	-	-	Nhóm hoạt động không hiệu quả, thiếu thống nhất.
9	Giảng lý thuyết Bước 5: Thử nghiệm	3	3	-	-	Sinh viên không hỏi thêm
10	Nhóm thu thập phản hồi từ nguyên mẫu thiết kế.	3	3	-	-	Sinh viên gặp khó khăn khi đánh giá sản phẩm.
11	Giảng viên nhận xét chỉnh sửa lần cuối.	2	3	-	-	
12	Thuyết trình bảo vệ sản phẩm thiết kế.	4	4	3	3	

* *Mức độ đạt được: 1 - Rất kém, 2 - Kém, 3 - Trung bình, 4 - Tốt, 5 - Xuất sắc*

** *Đánh giá dựa trên sản phẩm cuối của môn học.*

Mức độ tương tác của sinh viên trong lớp học: Mức độ tương tác thấp (điểm trung bình 2.83), cho

thấy sinh viên thiếu tập trung và không chủ động trong quá trình học trực tuyến.

Mức độ sinh viên thực hiện được các yêu cầu của giảng viên: Mức độ thực hiện yêu cầu ở mức trung bình (điểm trung bình 3.25), sinh viên hoàn thành các yêu cầu nhưng thiếu sự sáng tạo.

Mức độ hiệu quả của giải pháp về công năng của sản phẩm thiết kế: Sản phẩm thiết kế chưa tốt về công năng (điểm trung bình 3), do thiếu sự liên kết.

Mức độ hiệu quả của giải pháp về thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế: Sản phẩm thiết kế chưa tốt về thẩm mỹ (điểm trung bình 3).

3.2. Kết quả phỏng vấn

Câu hỏi số 1: Có thể thấy rằng 7 sinh viên cho biết họ có thể áp dụng một số phần của quy trình TDTK vào các đồ án sắp tới, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc nắm bắt toàn bộ quy trình. Trong khi đó, 3 sinh viên thừa nhận rằng họ không tự tin hoặc gặp khó khăn trong việc áp dụng quy trình này vào thực tế. Điều này cho thấy rằng, mặc dù có sự nhận thức về giá trị của quy trình TDTK, nhưng vẫn còn nhiều trở ngại trong việc vận dụng kiến thức đã học.

Câu hỏi số 2: 9 sinh viên cho biết họ không thể nhớ hết các bước trong quy trình TDTK hoặc gặp khó khăn trong việc hiểu rõ từng bước. Đáng chú ý là cả 10 sinh viên đều gặp khó khăn ở ít nhất một bước cụ thể trong quy trình, với các công việc khó khăn nhất bao gồm phân tích, phỏng vấn, hình thành ý tưởng và làm việc nhóm. Điều này chứng tỏ rằng quy trình TDTK yêu cầu thời gian cũng như sự thực hành nhiều hơn để sinh viên có thể nắm vững.

Câu hỏi số 3: 7 sinh viên nhận định rằng quy trình TDTK là hiệu quả nhưng cần có thêm thời gian thực hành và hướng dẫn cụ thể để họ có thể áp dụng một cách tự tin hơn. Trong khi đó, 3 sinh viên cho rằng mặc dù quy trình này có hiệu quả, nhưng họ gặp khó khăn khi áp dụng vào thực tế do sự thiếu hiểu biết sâu sắc về quy trình.

Kết quả trả lời phỏng vấn câu hỏi số 3 cho thấy sinh viên nhận thấy giá trị và hiệu quả của quy trình TDTK. Các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu tới việc tiếp thu của sinh viên là thời gian, việc theo sát sinh viên trong quá trình học của giảng viên và tăng tính ứng dụng của môn học.

Câu hỏi số 4: 4 sinh viên đề xuất rằng việc chuyển từ học online sang học trực tiếp sẽ giúp họ tiếp thu tốt hơn, do có thể tương tác trực tiếp với giảng viên và bạn bè. Bên cạnh đó, 4 sinh viên mong muốn có thêm thời gian thực hành và giảm bớt lý thuyết để họ có thể hiểu rõ hơn về các phương pháp và công cụ trong TDTK. Ngoài ra, 2 sinh viên cho rằng cần giảm bớt khối lượng bài tập thuyết trình và thay vào đó là các hoạt động khác để tăng sự hứng thú trong học tập, thực hành sẽ giúp học phân dễ tiếp thu hơn.

Qua kết quả trả lời phỏng vấn câu hỏi số 4, có thể thấy rằng việc học trực tuyến ảnh hưởng lớn tới việc tiếp thu của sinh viên. Cần có những giải pháp giúp tăng tính thực hành và tăng độ thú vị cho môn học giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu hơn.

Bảng 2 Kết quả phỏng vấn chi tiết sinh viên 1 - 5

	SV1	SV2	SV3	SV4	SV5
Câu hỏi	Câu trả lời				
1.	Có ứng dụng được một số phần như khảo sát hiện trạng, nhưng không nhớ rõ là ở giai đoạn nào của môn TDTK.	Có thể áp dụng một số kiến thức vào các đồ án sắp tới. Tuy nhiên, chưa nắm bắt được hết.	Có thể áp dụng một số phương pháp và kỹ thuật vào các đồ án tương lai. Vẫn chưa thực sự hiểu hết tất cả các nội dung.	Cảm thấy không hiểu nội dung môn học được mấy. Môn học có rất nhiều khái niệm và phương pháp khó hiểu. Khi làm việc nhóm, chủ yếu làm việc theo sự phân công của nhóm mà không thực sự hiểu hết ý nghĩa của từng bước.	Cảm thấy môn học có tính ứng dụng, nhưng vẫn gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung môn học.

	SV1	SV2	SV3	SV4	SV5
Câu hỏi	Câu trả lời				
2.	Thấy các bước của TDTK hơi khó nhớ. Gặp khá nhiều khó khăn khi làm việc nhóm vì một số bạn không làm việc.	Không nhớ rõ các bước. Khó khăn ở bước phân tích. Khi phỏng vấn sẽ tổng hợp được nhiều thông tin nhưng không biết cách tìm ra vấn đề nào là vấn đề quan trọng.	Không nhớ hết được các bước trong quy trình. Cảm thấy gặp khó khăn nhất ở bước phỏng vấn vì phải bắt chuyện với người lạ. Khi phải thực hiện phỏng vấn cảm thấy không tự tin.	Không nhớ hết các bước trong quy trình TDTK. Gặp khó khăn trong giai đoạn Hình thành ý tưởng vì có nhiều công cụ và phương pháp chưa biết cách sử dụng.	Không nhớ hết các bước trong quy trình TDTK. Gặp khó khăn trong các công việc nhóm, mỗi thành viên đều có những ý kiến riêng và khó thống nhất được ý kiến.
3.	Quy trình TDTK có hiệu quả. Cảm thấy cần phải hiểu rõ hơn về cách ứng dụng từng bước trong thực tế. Hiện tại, vẫn còn lúng túng khi áp dụng quy trình và nghĩ rằng cần thêm thời gian và hướng dẫn cụ thể hơn để hiểu rõ.	Thấy quy trình TDTK hiệu quả trong việc giải quyết vấn đề một cách thực tế. Nghĩ rằng nếu được học trực tiếp và thực hành với sự hướng dẫn trực tiếp sẽ có thể hiểu rõ và áp dụng quy trình này tốt hơn.	Quy trình TDTK hiệu quả nhưng cần thực hành nhiều để có thể nhớ. Hiện tại, cảm vẫn chưa tự tin để sử dụng, nếu được thầy cô hướng dẫn ứng dụng trong các đồ án sắp tới sẽ dễ hiểu hơn.	Quy trình TDTK là một quy trình hiệu quả. Nhưng cảm thấy sẽ gặp khó khăn trong việc áp dụng quy trình này vào thực tế vì chưa thực sự hiểu rõ.	Cho rằng quy trình TDTK hiệu quả. Nhưng để thực sự hiểu rõ, cần được thực hành thêm. Nếu được học qua việc thiết kế một công trình thực tế có thể dễ tiếp thu hơn.
4.	Nghĩ rằng nên học trực tiếp thay vì học online sẽ giúp tiếp thu quy trình TDTK tốt hơn. Khi học trực tiếp có thể tương tác với giảng viên và bạn bè một cách dễ dàng hơn, giúp dễ hiểu rõ hơn về các khái niệm và phương pháp.	Học trực tiếp tốt hơn vì cảm thấy việc học online không hiệu quả. Cảm thấy việc học online rất khó để tiếp thu. Không thể tập trung hoàn toàn vào bài giảng và thường bị phân tâm bởi môi trường xung quanh.	Giảm bớt lý thuyết, có nhiều phương pháp và công cụ nên không thể nhớ hết. Muốn có nhiều thời gian để thực hành hơn.	Học trực tiếp thay vì học online. Vì có giáo viên hướng dẫn trực tiếp sẽ dễ hiểu.	Có thời gian để nắm các phương pháp và công cụ hơn. Vừa học vừa thực hành có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên sẽ tiếp thu tốt hơn.

Bảng 3 Kết quả phỏng vấn chi tiết sinh viên 6 - 10

	SV6	SV7	SV8	SV9	SV10
Câu hỏi	Câu trả lời				
1.	<p>Không ứng dụng được nhiều vào đồ án, vì cảm thấy TDTK phức tạp. Cảm thấy bị ngập và rối bởi số lượng công việc cần phải làm.</p>	<p>Có thể ứng dụng được một phần. Đặc biệt là cách phân tích vấn đề và phát triển ý tưởng. Tuy nhiên, vẫn chưa thực sự tự tin vì một số nội dung của môn học còn khá mơ hồ.</p>	<p>Cảm thấy có thể áp dụng được quy trình thiết kế vào các đồ án sau này, nhưng cần phải luyện tập thêm. Hiện tại, vẫn gặp khó khăn khi xác định được bước nào cần áp dụng vào lúc nào.</p>	<p>Một số kiến thức về TDTK mình thấy rất hữu ích, nhất là trong việc tìm giải pháp sáng tạo. Nhưng do thời gian học hơi gấp rút nên chưa thực sự hiểu rõ cách kết hợp các kỹ thuật với nhau trong một đồ án thực tế.</p>	<p>Chưa tự tin lắm về khả năng ứng dụng kiến thức từ môn TDTK. Đa số các phương pháp trong môn học đòi hỏi nhiều thời gian để làm quen và thực hành, trong khi các đồ án lại có thời hạn ngắn, dễ dẫn đến việc bỏ qua các bước quan trọng.</p>
2.	<p>Không hiểu hết được ý nghĩa và mục đích của từng bước. Nhưng không gặp khó khăn gì đặc biệt trong quá trình học do vẫn làm theo những việc được giao.</p>	<p>Hiểu cơ bản về các bước trong quy trình TDTK, nhưng vẫn còn khá lúng túng ở bước Xác định. Thường khó khăn trong việc xác định rõ vấn đề cốt lõi cần giải quyết.</p>	<p>Nhớ được phần lớn các bước trong quy trình, nhưng khó khăn nhất là ở bước Tạo mẫu. Khi phải thử nghiệm và điều chỉnh nhiều, mình thấy hơi mất thời gian.</p>	<p>Nắm được các bước trong quy trình TDTK, nhưng thường gặp khó khăn ở bước Thẩm hiểu và Xác định. Thấy khó xác định được nhu cầu thực sự của người dùng qua các dữ liệu thu thập được.</p>	<p>Hiểu sơ bộ về các bước trong quy trình, nhưng khó khăn lớn nhất là xác định đúng vấn đề gặp phải. Khi phải quay lại các bước trước đó để điều chỉnh, mình dễ bị lẫn lộn và mất phương hướng.</p>
3.	<p>Cảm thấy quy trình TDTK là quy trình hiệu quả nhưng chưa ứng dụng được vì khó khăn trong việc kết nối các bước với nhau. Tin rằng với thêm thời gian và hướng dẫn cụ thể hơn sẽ có thể nắm vững quy trình này hơn.</p>	<p>Nghĩ quy trình TDTK là hiệu quả, nhưng cảm thấy cần nhiều thời gian để thực hành. Hiện tại, cảm thấy vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng quy trình.</p>	<p>Quy trình TDTK rất hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề thiết kế. Tuy nhiên, cảm thấy khó khăn trong việc áp dụng quy trình vào các tình huống thực tế mà không có sự hỗ trợ từ giảng viên.</p>	<p>Cho rằng quy trình TDTK có hiệu quả, nhưng để thực sự thấy được kết quả, cần nhiều thực hành hơn. Hiện tại, cảm thấy vẫn còn nhiều mơ hồ về cách kết nối các bước với nhau và áp dụng chúng trong các tình huống cụ thể.</p>	<p>Quy trình TDTK có thể là hiệu quả, nhưng mình thấy khó khăn trong việc liên kết các giai đoạn lại với nhau. Quy trình này có đòi hỏi sự hiểu rõ hơn về từng bước mới có thể áp dụng tốt.</p>

SV6	SV7	SV8	SV9	SV10
Câu hỏi		Câu trả lời		
4. Giảm bớt số lượng bài tập. Cảm thấy bài tập thuyết trình hơi nhiều nếu có những hoạt động khác sẽ thú vị hơn.	Muốn có thêm các buổi thảo luận nhóm để cùng trao đổi ý kiến và hiểu sâu hơn về các bước trong quy trình TDTK. Những buổi thảo luận này có thể giúp mình nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau.	Nếu có thể sử dụng các tình huống thực tế để thực hành quy trình TDTK thì sẽ hiệu quả hơn. Điều này sẽ giúp hiểu rõ hơn về cách áp dụng quy trình vào các dự án thực tế.	Muốn có thêm các tài liệu tham khảo và ví dụ cụ thể về cách các quy trình TDTK đã được áp dụng thành công trong thực tế. Việc này sẽ giúp hiểu rõ hơn về giá trị thực tế của môn học.	Muốn có thêm các buổi hướng dẫn chi tiết về từng công cụ và phương pháp trong quy trình TDTK. Nếu được học kỹ hơn về cách sử dụng các công cụ này, sẽ tự tin hơn khi áp dụng vào các dự án.

3.3. Phân tích và đề xuất giải pháp

Qua phân tích kết quả quan sát và phỏng vấn có thể rút ra các vấn đề chính ảnh hưởng tới hiệu quả của việc triển khai mô hình TDTK cho ngành Thiết kế nội thất tại trường Đại học Yersin như sau:

- Mức độ tương tác của sinh viên: Thiếu sự tương tác trong lớp học (trực tuyến) góp phần vào việc sinh viên không nắm bắt được kiến thức và gặp khó khăn trong thực hiện quy trình TDTK. Điều này cho thấy việc giảm thiểu sự tương tác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức của sinh viên.

- Mức độ hoàn thành các yêu cầu của giảng viên: Mức độ hoàn thành yêu cầu của giảng viên ở mức trung bình, sinh viên hoàn thành các nhiệm vụ nhưng thiếu sáng tạo, điều này cho thấy sự tiếp thu không đầy đủ kiến thức về quy trình TDTK. Việc thiếu tập trung và chủ động đặt câu hỏi với giảng viên ảnh hưởng tới khả năng tiếp thu của sinh viên.

- Mức độ hiệu quả về công năng và thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế: Sản phẩm thiết kế chưa có mức điểm cao về công năng và thẩm mỹ cho thấy sinh viên chưa thực sự hiểu và áp dụng quy trình TDTK một cách hiệu quả. Sinh viên gặp khó khăn ở các giai đoạn cụ thể như Hiểu, Xác định và Sáng tạo ý tưởng có thể dẫn đến việc sản phẩm thiết kế không hoàn chỉnh về cả công năng và thẩm mỹ.

- Sinh viên thiếu một số kỹ năng mềm về làm việc nhóm và phỏng vấn: Sinh viên thường gặp khó khăn trong việc phối hợp công việc với các thành viên khác của nhóm. Thiếu sự thống nhất ý kiến dẫn đến mất mát thời gian và sự bất đồng quan điểm, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của môn học. Ngoài ra, sinh viên thường cảm thấy căng thẳng và không thoải mái khi đối mặt với các tình huống phỏng vấn. Đây

là một vấn đề phổ biến và có khả năng ảnh hưởng tới quá trình thực hiện nội dung môn học.

Giải pháp đề xuất:

- Tăng cường tương tác trong quá trình học: Tổ chức các buổi học trực tiếp để sinh viên có thể tương tác với giảng viên và bạn học, giúp hiểu rõ hơn các bước của quy trình TDTK. Giảng viên tham gia trực tiếp vào quá trình làm việc nhóm để giúp sinh viên giải quyết vấn đề trong từng bước của quy trình TDTK.

- Tăng cường hỗ trợ và phản hồi: Có các bài kiểm tra nhỏ để kiểm tra mức độ tiếp thu kiến thức của sinh viên trong từng giai đoạn của quy trình TDTK để giảng viên kịp thời tư vấn hoặc hướng dẫn thêm. Đảm bảo sinh viên nhận được phản hồi chi tiết và kịp thời về kết quả của từng bước trong quy trình TDTK.

- Cải thiện hoạt động nhóm: Cung cấp hướng dẫn rõ ràng và quy định cụ thể về cách thực hiện các công việc nhóm, giúp sinh viên thực hành phối hợp trong từng bước của quy trình TDTK. Đánh giá và theo dõi tiến trình của nhóm để đảm bảo tất cả các thành viên đều tham gia và đóng góp vào từng bước của quy trình TDTK.

- Tổ chức ứng dụng TDTK vào giải quyết các vấn đề thực tế. Xác định một vấn đề thực tế mà sinh viên quan tâm và có thể giải quyết được bằng TDTK. Sau đó cho sinh viên hình thành các nhóm nghiên cứu, áp dụng TDTK để phát triển giải pháp. Cuối cùng, mời các chuyên gia tham gia đánh giá, và tổ chức buổi pitching công khai để sinh viên trình bày và nhận phản hồi từ các chuyên gia và các bên liên quan như chủ đầu tư, nhà thầu... Điều này giúp sinh viên có được những đánh giá thực tế có ý nghĩa quá trình học của sinh viên hơn.

- Thiết kế các môn học và đồ án tiếp theo có sự kế thừa và ứng dụng quy trình TDTK. Sinh viên sẽ được rèn luyện và củng cố kiến thức về quy trình thông qua các hoạt động thực hành.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về mức độ hiệu quả giảng dạy TDTK tại trường Đại học Yersin Đà Lạt cho thấy sinh viên có những nhận định tích cực về quy trình của TDTK, mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức về quy trình TDTK. Phân tích từ kết quả quan sát và phỏng vấn sinh viên đã hoàn tất học phần cho thấy thiếu sự tương tác trong lớp học trực tuyến và sự thiếu tập trung đã góp phần vào việc sinh viên không nắm bắt được quy trình TDTK một cách hiệu quả. Hơn nữa, việc sinh viên gặp khó khăn một trong các giai đoạn của quy trình TDTK sẽ dẫn đến sản phẩm thiết kế không đạt được chất lượng cao về công năng và thẩm mỹ.

Nhằm cải thiện hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu đề xuất các giải pháp như tăng cường tương tác trong quá trình học, hỗ trợ và phản hồi kịp thời, cải thiện hoạt động nhóm, tổ chức các buổi ứng dụng TDTK vào giải quyết vấn đề thực tế và thiết kế các môn học và đồ án có sự kế thừa và ứng dụng quy trình TDTK. Những giải pháp này không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ hơn và áp dụng hiệu quả quy trình TDTK mà còn nâng cao khả năng sáng tạo, phối hợp làm việc nhóm và phát triển kỹ năng mềm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

Beckman, S. L., & Barry, M. (2007). *Innovation as a Learning Process: Embedding Design Thinking*. California Management Review, 50(1).
<http://doi.org/10.2307/41166415>

Bersky, B. 2003. Sharing meaning across occupational communities. *Organization Science*, 14(3), 312-330.
<https://doi.org/10.1287/orsc.14.3.312.15162>

Boland, Jr., R. J., & Tenkasi, R. V. (1995). Perspective making and perspective taking in communities of knowing. *Organization science*, 6(4), 350-372.

Brown, T. (2008). Design thinking. *Harvard Business Review*, 86(6), 84.
<https://doi.org/10.1287/orsc.6.4.350>

Design Council. (2007). *11 lessons: a study of the design process*.
<https://www.designcouncil.org.uk/our-resources/archive/reports-resources/11-lessons-managing-design-global-brands/>

Gloppen, J. (2009). Perspectives on design leadership and design thinking and how they relate to European service industries. *Design*

Ngoài ra, việc điều chỉnh các CLO một cách cụ thể và có khả năng đo lường hơn là cần thiết. Các câu hỏi điều tra và các tiêu chí quan sát sẽ gặp khó khăn trong việc đánh giá đầy đủ mức độ đạt được của các CLO. Việc các CLO trở nên cụ thể và có thể đo lường được giúp định hướng rõ ràng hơn cho quá trình giảng dạy, đảm bảo rằng mục tiêu của học phần đạt được một cách chính xác và có hệ thống. Điều này cải thiện chất lượng giáo dục và nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Để làm rõ hơn CLO1, cụm từ "nắm được" cần được cụ thể hóa hơn. Cụ thể, các thuật ngữ như "hiểu và mô tả" hoặc "phân tích và áp dụng" nên được sử dụng để đảm bảo rằng kết quả học tập có thể được đánh giá một cách chính xác và khách quan. Trong CLO3, khái niệm "ý thức" mang tính cá nhân và chủ quan, do đó khó đo lường. Để cải thiện, có thể bổ sung các yêu cầu cụ thể như việc hoàn thành bài viết nghiên cứu cá nhân hoặc thực hiện thuyết trình về một chủ đề liên quan, nhằm đảm bảo khả năng đánh giá chính xác.

Việc thực hiện các giải pháp đề xuất sẽ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn TDTK, tạo nền tảng kiến thức và phát triển kỹ năng cần thiết cho sinh viên ngành Thiết kế nội thất. Từ đó có thể phát triển các giải pháp sáng tạo, hiệu quả, đồng thời đáp ứng tối ưu nhu cầu và mong đợi của người khách hàng.

Management Journal, 4(1), 33-47.
<https://doi.org/10.1111/j.1942-5074.2009.00005.x>

Heiman, B. A., & Burnett, W. B. (2010). *The Role of Design Thinking in Firms and Management Education*. Stanford University.

Kimbell, L. (2011). Rethinking Design Thinking: Part I. *Design and Culture*, 3(3), 285-306.
<https://doi.org/10.2752/175470811X13071166525216>

Thien, M. T. H. (n.d.). Design thinking - navigator in the sea of creativity. Faculty of Fine Arts & Design - Van Lang University (in Vietnamese).
<https://mythuat.vanlanguni.edu.vn/vi/tin-tuc-hoat-dong-khoa/152-design-thinking-hoa-tieu-giua-bien-sang-tao>

Melles, G., Howard, Z., & Thompson-Whiteside, S. (2012). Teaching Design Thinking: Expanding Horizons in Design Education. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 31, 162-166.

Meredith, C. (2019). *The five stages of design thinking*. Medium.

- <https://medium.com/@chrismeredith13/the-five-stages-of-design-thinking-fcdf4da2dcd6>
- Minh, T. (2023). *Nguyen Tat Thanh University students won many high prizes at the Design Thinking - Open Innovation Competition 2023 (in Vietnamese)*.
<https://baochinhphu.vn/sinh-vien-truong-dh-nguyen-tat-thanh-dat-nhieu-giai-cao-tai-cuoc-thi-design-thinking-open-innovation-2023-102230911105010341.htm>
- Orilkowski, W. (2010). *Engaging practice in research*. In D. Golsorkhi, L. Rouleau, D. Seidl, & E. Varra (Eds.). *The Cambridge Handbook on Strategy as Practice*. Cambridge University Press.
- Somech, A. & Drach-Zahavy, A. (2013). *Translating Team Creativity to Innovation Implementation: The Role of Team Composition and Climate for Innovation*. *Journal of Management*, 39(3), 684–708. <https://doi.org/10.1177/0149206310394187>
- Verganti, R. (2009). *Design-driven innovation: Changing the rules of competition by radically innovating what things mean*. Boston, MA: Harvard Business Press.